

KIỀU THANH QUẾ VỚI NHỮNG CÔNG TRÌNH RA ĐỜI TRONG THỜI GIAN BỊ QUẢN THỨC Ở CẦN THƠ

HUỲNH THỊ LAN PHƯƠNG*
NGUYỄN VĂN NỞ**

Kiều Thanh Quế là nhà phê bình, nghiên cứu văn học tiêu biểu ở Nam Bộ vào những năm đầu thế kỷ XX. Ông là một người yêu nước, từng tham gia các hoạt động cứu nước, có thái độ căm ghét cường quyền và từng bị quản thúc tại Cần Thơ. Cần Thơ đã trở thành vùng đất nặng ân tình với ông. Trên xứ sở Cầm Thi, trong những ngày bị chính quyền đương thời theo dõi, kìm kẹp ông đã đạt được nhiều thành tựu trong sự nghiệp cầm bút. Đất, người Cần Thơ đã lưu dấu ấn trong các công trình nghiên cứu của ông.

Những công trình, bài báo ra đời trong thời gian Kiều Thanh Quế ở Cần Thơ đã thể hiện tấm lòng, tài năng của một người say mê văn học, miệt mài cống hiến vì sự nghiệp phát triển văn hóa dân tộc. Tuy vẫn còn đâu đó hạn chế nhất định, nhưng các công trình ấy vẫn đủ để chứng minh thời gian ở Cần Thơ là thời gian Kiều Thanh Quế viết sung sức nhất và có nhiều đóng góp cho sự nghiệp nghiên cứu, phê bình ở buổi bình minh của văn học quốc ngữ.

Từ khóa: Kiều Thanh Quế, Tây Đô văn đoàn, quản thúc, văn học quốc ngữ

Nhận bài ngày: 12/12/2019; *đưa vào biên tập:* 15/12/2019; *phản biện:* 20/1/2020; *duyet dang:* 15/3/2020

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Phê bình, khảo cứu, nghiên cứu văn học là những hoạt động không thể thiếu trong lịch sử phát triển văn học của mọi quốc gia trên thế giới. Văn học Việt Nam không ngoại lệ. Vào thời kỳ đầu của văn học hiện đại, Nam Bộ đi tiên phong trong lĩnh vực sáng tác nhưng chưa có thành tựu cao về nghiên cứu, phê bình văn học. Trong bối cảnh văn học Nam Bộ bị cho là: “thường chỉ nở ra bề mặt, trên một

báo chí phù du. Đôi khi người ta có những sáng kiến, đi những bước tiên phong táo bạo, nhưng mà thiếu tiềm lực ở giới viết cũng như giới đọc để nuôi dưỡng cho thành phong trào phát tỏa ra toàn quốc” (Phạm Thế Ngũ 1965: 629), Kiều Thanh Quế đã xuất hiện như một ngôi sao sáng của văn học Nam Bộ. Ông trở thành “nhà phê bình văn học hiếm có của Nam Bộ” (Hoài Anh, 2001: 923-939). Sự nghiệp viết văn của Kiều Thanh Quế song hành cùng những biến thiên của lịch sử dân tộc, có những khúc quanh nhưng đã lên được đỉnh cao. Ông trở

* ** Trường Đại học Cần Thơ.

thành người “có công đối với sự phát triển của phê bình văn học Việt Nam đầu thế kỷ XX” (Nguyễn Hữu Sơn - Phan Mạnh Hùng, 2009: 3).

2. CƠ DUYÊN VỚI CẦN THƠ VÀ TÂM TÀI CỦA KIỀU THANH QUẾ

“Hoàn cảnh và phong thổ đào tạo nên một thiên tài”, một tiêu đề trong “*Thi hào Tagore*” của Kiều Thanh Quế có ghi như thế. Đúng như vậy. Không chỉ với trường hợp của Tagore, mà còn là của nhiều người. Biết rằng chưa thể nói Kiều Thanh Quế là thiên tài nhưng vẫn phải thừa nhận năng lực ngòi bút của ông. Hoàn cảnh, môi trường khách quan cũng đã tác động nhiều đến sự thành ông của Kiều Thanh Quế. Bị cưỡng bức xuống Cần Thơ, sống trong vòng quản thúc của chính quyền Pháp, phải chằng đã làm nên một “hoàn cảnh” đặc biệt! Đất và người Cần Thơ đã giúp ông phát triển văn tài. Những “hạt giống” ý tưởng đã gặp “phong thổ” thích hợp, nhanh chóng nảy mầm, từ đó tạo nên nhiều công trình có đóng góp lớn cho văn học Nam Bộ. Cần Thơ với cuộc đời cầm bút của Kiều Thanh Quế chắc hẳn rất nhiều ân tình, kỷ niệm khó phai, là nơi đã đem lại cho ông “thời kỳ viết sung sức nhất trong quãng đời sáng tạo ngắn ngủi của mình” (Nguyễn Hữu Sơn - Phan Mạnh Hùng, 2009: 3).

2.1. “Duyên tình” của đất và người Cần Thơ đối với Kiều Thanh Quế

*Cần Thơ gạo trắng nước trong
Ai đi đến đó lòng không muốn về.*

Câu ca dao quen thuộc ấy, theo thời gian đã đi vào tâm thức người Việt, như chào mời, vẫy gọi những ai chưa từng đến vùng đất này. Chắc hẳn, Cần Thơ có sức mời gọi lớn, mà cũng rất biết lưu tình. Và năm 1940, Kiều Thanh Quế đã đến, nhưng không vì nhu cầu để được khám phá về đẹp sông nước miền Tây, hay tìm cảm hứng sáng tác. Ông đã bị nhà cầm quyền Pháp cưỡng bức đến đây, phải chịu sự quản thúc gắt gao của kẻ thù. Vốn sinh trưởng trong một gia đình giàu lòng yêu nước, có nhiều người tham gia cứu nước, ở Bà Rịa - Vũng Tàu, bản thân ông cũng từng tham gia các tổ chức yêu nước trong thời gian học ở Sài Gòn. Tuổi trẻ, tính cương trực, nổi bất bình về những chuyện phi lý trong xã hội đã dẫn ông đến chỗ xích mích với tên sếp chợ người Ấn, quốc tịch Pháp, khiến nhà chức trách đương thời phải tìm cách đối phó. Nào ngờ đó lại là cái “duyên”, đưa đẩy ông đến với đất và người Cần Thơ. Cái “duyên” bất đắc dĩ ấy lại tạo nên những kỷ niệm đẹp, những ấn tượng sâu sắc trong cuộc đời viết văn của ông.

Những năm đầu của thập niên 40, ở thế kỷ trước, không khí chính trị có nhiều phức tạp nhưng lại hâm nóng được ý thức dân tộc ở tầng lớp trí thức Việt Nam, trong đó có trí thức Nam Bộ, đặc biệt là những người cầm bút. Họ xông xáo lao vào nhiều hoạt động văn hóa, xã hội, muốn góp sức cho sự phát triển văn hóa dân tộc, vì lợi ích quốc gia.

Nhiều sinh hoạt văn hóa, văn học diễn ra trong thời gian này, như tuần lễ triển lãm sách báo ở Sài Gòn, năm 1942, do nhà sách Nguyễn Khánh Đàm tổ chức, có bình chọn 10 quyển sách quốc văn có giá trị nhất (*Nho giáo* của Trần Trọng Kim được xếp hạng nhất, *Truyện Kiều* đứng thứ hai). Báo *Tri Tân* tổ chức thi về sử khảo. Giải nhất thuộc về Trần Văn Hai với bài *Lãnh sự Việt Nam ở Sài Gòn*.

Sinh hoạt văn học ở Nam Bộ lúc đó trở nên khởi sắc. Đây là nhờ sự hỗ trợ, khích lệ của các hội Khuyến học. Những tổ chức mang tính chính quy, hợp pháp thời bấy giờ có chức năng điều hành nhiều sinh hoạt văn hóa. Đáng chú ý là những người đứng đầu của tổ chức ấy thường quan tâm đến hoạt động văn học nghệ thuật. Họ mong muốn làm gì đó để thúc đẩy văn học nước nhà phát triển mạnh. Hội Khuyến học trung ương, dưới sự điều hành của giáo sư Đoàn Quang Tấn, treo giải thưởng cho sáng tác văn chương hàng năm. Đầu năm 1942 có phát giải và giải nhất dành cho tiểu thuyết *Chống con* của Trần Tiêu. Nhiều lễ kỷ niệm về các nhà thơ lớn như Nguyễn Du, Nguyễn Đình Chiểu được tổ chức long trọng, trong tình cảm dạt dào, mang đến cho mọi người những niềm xúc động khó tả.

Không khí văn chương, học thuật sôi nổi ấy lan tỏa xuống tận Cần Thơ. Xứ sở đó, với dòng sông Hậu hiền hòa, đã nuôi dưỡng được bao tâm hồn thơ, rèn đúc nên nhiều cây bút văn tài năng. Hội Khuyến học Cần Thơ đã

xuất hiện trong thời gian này. Đây là một tổ chức tập hợp được nhiều trí thức nặng tình với quê hương, chân tâm với văn học nước nhà và có trách nhiệm lớn với văn hóa dân tộc. Theo nguồn tư liệu từ *Nam Phong tạp chí*, số 141, tháng 8/1929, buổi đầu, hội chỉ là hội học, hội viên được 20 người. Về sau, từ khi bác sĩ Lê Văn Ngôn làm Hội trưởng, số hội viên tăng lên được 123 người. Hội đã quy tụ được nhiều người tài năng như giáo sư Nguyễn Văn Kiệt (tức Tây Đô cát sĩ), Trực Thần, Lê Đăng Côn, họa sĩ Nguyễn Văn Mười... Hội đã lập nhóm Tây Đô văn đoàn có sự tham gia của các thành viên như Tố Phang (tức Thuần Phong), Khuông Việt, Trúc Đình. Năm 1941, nhóm đã tổ chức quyên tiền xây mộ cụ Thủ khoa Nghĩa ở Bình Thủy (Cần Thơ), tổ chức giải thưởng Thủ khoa Nghĩa. Ngày 24/6/1944 phát giải thưởng hạng nhất cho tác phẩm *Đồng quê* của Phi Vân và truyện *Năm người thanh niên* của Nguyễn Ngọc Tân.

Thời gian bị quản thúc ở Cần Thơ, Kiều Thanh Quế có thể bức bối vì hoàn cảnh bị kẻ thù o ép, nhưng đây là thời điểm ông được sống với không khí của “sự trỗi dậy của văn học miền Nam” (Phạm Thế Ngũ 1965: 629). Ông đã không đứng ngoài cuộc các phong trào. Ông là thành viên của Tây Đô văn đoàn. Tháng ngày “nhàn hạ bắt đắc đĩ” (từ dùng của Bằng Giang 1974: 177) ở Cần Thơ đã đưa ông đến với những cuộc diện kiến, làm quen, rồi thân thiết với nhiều trí thức, học giả Tây Đô. Giáo sư Nguyễn Văn

Kiệt, cũng là thành viên của nhóm Tây Đô văn đoàn, là một trong những người hỗ trợ ông đắc lực, giúp ông nhập cuộc với những sinh hoạt văn học sôi nổi ở Cần Thơ bấy giờ. Sống trong vòng kiểm soát gắt gao của kẻ thù, không thể nào yêu nước bằng các hoạt động chính trị, cũng như nhiều nhà yêu nước khác cùng thời, ông quay sang hoạt động văn hóa, học thuật, luôn dõi theo thời sự văn học nước nhà.

Tây Đô văn đoàn tạo nhiều thuận lợi để ngòi bút của ông thả sức. Tài năng Kiều Thanh Quế được phát tiết mạnh nhất vào lúc này. Ông trở thành cộng tác viên Nam Bộ nổi bật nhất của báo *Tri Tân* cũng từ thời gian đó. Đến như Phạm Thế Ngũ, một người ít có những đánh giá cao về văn học Nam Bộ, nhất là văn học trong buổi đầu hình thành văn học quốc ngữ, còn phải thốt lên rằng: “ngay từ năm 1941, miền Nam đã cung cấp cho *Tạp chí Tri Tân* những cây bút khảo luận xuất sắc: Lê Thọ Xuân, Tố Phang, Kiều Thanh Quế” (Phạm Thế Ngũ, 1965: 630). Nói điều này vì Phạm Thế Ngũ từng nhận định: “Gia Định là đất mới. Dân chúng vừa thưa ít, vừa chưa được thuần nhất. Luống cày Nho gia chưa đào xới được sâu thì người Pháp đến. Sự sáng tác văn học, sự ưa chuộng văn chương, sự trông trọt thi văn ở đây chưa có truyền thống sâu xa, nên kém tiềm lực, kém khả năng... Quốc văn do đó trong nhiều năm về sau ở Nam Kỳ chỉ bày tỏ trong hình thức báo chí phổ thông, với trình độ trí

thức khá ấu trĩ hoặc ở tác phẩm tiểu thuyết cho một công chúng hạ lưu dễ dãi. Những người thức giả lưu tâm đến quốc văn sau đó lại phải quay ra miền Bắc để đón tiếp những sáng tác mới cũng như phong trào văn học mới” (Phạm Thế Ngũ, 1965: 85). Sống giữa những ngày tháng Nam Bộ khởi sắc hoạt động văn học, thời gian ở Cần Thơ có lẽ cũng là những ngày Kiều Thanh Quế phấn chấn, hào hứng nhất, tràn ngập niềm tin vào tương lai của văn học nước nhà. Để rồi sau đó, khi nhìn lại, tổng kết thành tựu đã đạt, Kiều Thanh Quế vui sướng reo lên trên báo *Tri Tân*, số Xuân Giáp Thân: “Thật là những bước đầu khả quan, những ngày tới có thể đầy hứa hẹn xán lạn” (dẫn theo Phạm Thế Ngũ 1965: 631). Những ngày bị quản thúc, mỗi bước chân đều có mật thám theo dõi, nhưng hình như, sự kiểm tỏa của kẻ thù không làm tắt được ngọn lửa đam mê nghiên cứu trong Kiều Thanh Quế. Nặng nợ văn chương từ trước, có sẵn một tấm lòng với nền văn hóa, văn học nước nhà, được sự hỗ trợ của bao bạn bè thân quen, đặc biệt là nhóm Văn đoàn Tây Đô, đến Cần Thơ, Kiều Thanh Quế như “Tái ông thất mã”, được tận dụng nhiều cơ hội. Người cung cấp tư liệu quý, có cả tư liệu từ nước ngoài mang về, theo Bằng Giang đó là Tây Đô Cát Sĩ, tức giáo sư Nguyễn Văn Kiết. Ông đã cho Kiều Thanh Quế mượn tất cả tài liệu nước ngoài viết về Tagore, đồng thời cũng là người chở che, bảo bọc trong sinh hoạt đời thường. Lúc mới đến

Cần Thơ, Kiều Thanh Quế phải ở trọ nhà người quen, nhiều bất tiện, vất vả. Ông Ôn Văn Hy, làm việc tại Ty Y tế Cần Thơ, hiểu rõ hoàn cảnh của Kiều Thanh Quế, cảm kích chàng thanh niên khí khái, đã đưa ông về nhà ở, để được rộng rãi thoải mái hơn. Đất, người Cần Thơ hiền hòa, chân tình, không chỉ chở che mà còn hỗ trợ, kích thích tài năng cùng niềm đam mê của Kiều Thanh Quế. Tài năng và niềm đam mê ấy cứ lớn mãi trong hoàn cảnh khắc nghiệt nhất, bởi sự kiềm kẹp của kẻ thù. Để rồi, vừa thoát khỏi sự quản thúc, về Sài Gòn, nó đã nhanh chóng kết thành “hoa trái”. Kiều Thanh Quế được xuất bản liên tục các công trình lớn, mang tính chuyên sâu như: *Cuộc tiến hóa văn học Việt Nam* (1943), *Thi hào Tagore* (1943), *Học thuyết Freud* (1943)... Riêng *Thi hào Tagore* được biết chắc chắn là đã viết tại Cần Thơ nhưng lên Sài Gòn, năm 1943 ông mới cho xuất bản.

Ân tình với người Cần Thơ rất sâu đậm. Tác phẩm *Thi hào Tagore* được ký tên Nguyễn Văn Hai. Được biết là tên con trai của vị ân nhân đã cứu mạng tác giả trong thời gian sống cảnh cá chậu chim lồng (Tây Đô cát sĩ Nguyễn Văn Kiết). Nguyễn Văn Hai cũng là người giúp Kiều Thanh Quế rất nhiều trong việc dịch các tài liệu về Tagore. Đây có thể coi là món quà tri ân vô giá dành cho người nghĩa. Bởi *Thi hào Tagore* đã được Kiều Thanh Quế dụng công nghiên cứu. Những dòng chữ được tuôn ra từ trái tim tràn đầy tình cảm yêu thương, mền mội

nhà đại thi hào Tagore, người duy nhất ở Ấn Độ bảy giờ được giải Nobel văn chương. Lúc Kiều Thanh Quế ở Cần Thơ, thi hào Tagore qua đời (tháng 8/1941). Sự kiện đó đã khơi dậy cảm hứng cho Kiều Thanh Quế. *Thi hào Tagore* từng được Mạnh Phan đánh giá cao: “Sách viết rất công phu và dày công khảo cứu: đáng khen. Tác giả đã dùng một phương pháp rành mạch phân tích thơ Tagore để có hiểu nhà đại thi hào ấy của Ấn Độ. Nhiều tài liệu của tác giả phần nhiều chưa ai nói đến bằng Quốc văn. Tác giả đã đọc được nhiều bản dịch thơ Tagore bằng Pháp văn nên thường dẫn chứng để độc giả dễ hiểu. Thật là một cuốn sách dày có thể khiến độc giả thấu rõ tâm hồn huyền bí và cao cả của Tagore...” (dẫn theo Nguyễn Hữu Sơn - Phan Mạnh Hùng, 2009: 23). *Thi hào Tagore* của Kiều Thanh Quế quả là một đóng góp đáng ghi nhận trong lịch sử nghiên cứu, phê bình, khảo cứu lúc bấy giờ, nhất là trên vùng đất Nam Bộ, nơi chưa có đủ thời gian để làm nên bề dày văn hóa, truyền thống văn học. Nơi từng bị coi là không có được “hoàn cảnh thuận lợi cho sự phát triển của văn học, nhất là văn học quốc gia”, “sự trỗi trọt thi văn ở đây chưa có truyền thống sâu xa, nên kém tiềm lực, kém khả năng” (Phạm Thế Ngũ, 1965: 85).

Cần Thơ lưu giữ bước chân Kiều Thanh Quế không quá lâu. Ông bị đưa về đây từ năm 1940. Đến cuối năm 1942, được miễn quản thúc, ông lên Sài Gòn. Cần Thơ đã tạo cơ hội tốt để

ông ấp ủ nhiều ý tưởng, dõi theo từng bước đi của văn học nước nhà. Cần Thơ đã có “duyên”, được che chở bảo bọc người tài. Và Kiều Thanh Quế lại có “tình” nên mãi vương vấn về Cần Thơ. Ngoài trường hợp *Thi hào Tagore*, khi cho xuất bản *Học thuyết Freud*, nhà xuất bản Tân Việt Hà Nội, năm 1943, lại một lần nữa ông bày tỏ tình cảm với Cần Thơ. Dòng cuối của quyển sách, ông có ghi: “*Can Tho-BaRia*”. Chỉ là mấy từ ngắn ngủi thôi nhưng nó chứa đựng bao điều sâu xa. Cần Thơ được đặt ngang với Bà Rịa là nơi chôn nhau cắt rốn của ông. Dấu gạch nối đầy ý nghĩa như muốn thay lời Kiều Thanh Quế cảm ơn Cần Thơ, tri ân Cần Thơ. Không “sinh” nhưng Cần Thơ đã “dưỡng” cả thể xác và tâm hồn con người yêu nước, nặng tình với văn chương. “Nước trong” của Cần Thơ đã làm trôi đi mọi bức bối do kẻ thù mang đến, đưa ông về với niềm đam mê hoạt động học thuật. “Gạo trắng” Cần Thơ tiếp sức cho khát vọng đóng góp vì sự nghiệp văn học nước nhà. Ân tình ấy Kiều Thanh Quế không thể nào quên! Lấy tên một người Cần Thơ để ký khi viết *Thi hào Tagore* chỉ là trả ân người nghĩa. Ghép chung hai địa danh *Cantho-Baria* thành một dòng mới là khắc sâu ân tình với vùng đất, đã từng cứu mang ông lúc hoạn nạn, tiếp nguồn cảm hứng ông trong cảnh nguy nan. Đúng như điều mà Chế Lan Viên đã chiêm nghiệm: “Khi ta ở, chỉ là nơi đất ở. Khi ta đi, đất đã hóa tâm hồn”. Với Kiều Thanh Quế, không chỉ là một

“tâm hồn” bình thường, mà là tâm hồn lớn. Tâm hồn của nhà phê bình tài năng nhiều tâm huyết của người trí thức yêu nước chân chính.

2.2. Tâm và tài của Kiều Thanh Quế qua những công trình được xuất bản lúc tác giả ở Cần Thơ

Như đã trình bày ở phần trên, căn cứ vào nguồn tư liệu được sưu tầm và giới thiệu trong quyển *Cuộc tiến hóa văn học Việt Nam* do Nguyễn Hữu Sơn, Phan Mạnh Hùng biên soạn (Nhà xuất bản Thanh niên xuất bản năm 2009), bên cạnh sự ra đời của *Thi hào Tagore*, các chuyên khảo khác như: *Ba mươi năm văn học* (1941), *Phê bình văn học* (1942) cũng được xuất bản trong khoảng thời gian Kiều Thanh Quế ở Cần Thơ. Có thể, những tác phẩm nói trên đã được viết từ trước đó nhưng đến thời gian này mới được xuất bản. Dù thế nào đi chăng nữa, thành tựu kể trên đã đến với Kiều Thanh Quế lúc đang ở Cần Thơ. Chắc chắn, kết quả ấy đã tạo nên những dấu ấn kỷ niệm khó phai trong ông, lúc sinh thời, khi nhớ về Cần Thơ. Chúng tôi không xem đây là công trình được ra đời khi Kiều Thanh Quế ở Cần Thơ. Chỉ muốn nhắc đến những thành tựu mà Kiều Thanh Quế đón nhận được trong những ngày bị quản thúc, để nhân đó, bàn đến tâm và tài của ông. Sáng tác trước, trong hay sau khi rời khỏi Cần Thơ không phải là yếu tố quan trọng làm nên tâm, tài của Kiều Thanh Quế. Bởi cái tâm, cái tài được thể hiện xuyên suốt trong mọi công trình của tác giả. Vì thế,

chọn một vài công trình tiêu biểu, có những liên hệ với thời gian và không gian đặc biệt, những ngày tháng sống tại Cần Thơ, để cảm nhận đóng góp quý báu của Kiều Thanh Quế là chuyện khả dĩ. Mặt khác, việc làm này còn góp phần khơi rõ hơn dấu ấn Cần Thơ trên những công trình nghiên cứu văn học của Kiều Thanh Quế.

Duyên, tình với đất Cần Thơ, qua hai trường hợp trình bày trong mục trên đã đủ để ghi nhận. Một lần nữa, có thể khẳng định rằng: đất và người Cần Thơ đã trực tiếp hoặc gián tiếp hỗ trợ Kiều Thanh Quế giữ được ngọn lửa đam mê nghiên cứu không bị gián đoạn. Cho nên, dù ở trong Nam xa xôi, có nhiều trở ngại, Kiều Thanh Quế vẫn cộng tác đặc lực cho báo *Tri Tân* (ông bắt đầu tham gia báo *Tri Tân* từ số 23, ngày 14/11/1941), có thêm nhiều bài nghiên cứu, phê bình, góp tiếng nói thể hiện quan điểm, tư tưởng, cách cảm nhận về văn học nước nhà và văn học của nhiều nước khác.

Muốn hiểu nổi lòng người nghệ sĩ sáng tác hãy đi vào thế giới ngôn từ, thế giới hình tượng trong tác phẩm. Muốn biết rõ tâm tình nhà phê bình hãy bắt đầu từ những trang văn của họ. Cũng như người sáng tác, nhà phê bình chân chính khi cầm bút, ắt không khỏi ký ngụ tâm chí, hoài bão, ước mơ. Kiều Thanh Quế là nhà phê bình như thế. Những công trình nghiên cứu của ông thể hiện niềm say mê văn chương, say mê nghiên cứu, tìm tòi, nhạy bén với mọi biến thiên của văn học. Niềm say mê có thể làm

nên chất tài hoa cho người cầm bút. Nhưng chính cái tâm mới xui khiến được lòng nhiệt thành, cống hiến hết mình cho sự nghiệp chung. Kiều Thanh Quế đọc rất nhiều sách, báo. Từ thơ đến văn xuôi; từ văn chương nghệ thuật đến báo chí, biên khảo; từ tác phẩm văn học Việt Nam đến văn học Trung Quốc, văn học của nhiều nước phương Tây, đặc biệt là văn học Pháp. Dường như ông không muốn bỏ qua một tiếng động nhẹ nào trong từng bước đi của văn học nước nhà. Không chỉ đọc mà Kiều Thanh Quế còn có được những cảm nhận tinh tế, những đánh giá khá xác thực. Cái tâm của ông là cái tâm của nhà phê bình không chỉ say mê mà còn có trách nhiệm lớn với nền văn học dân tộc. Với ý thức trách nhiệm, ông mong muốn lưu giữ những thông tin để đời sau có cơ sở nghiên cứu văn học sử. Ông đã bỏ nhiều công sức để làm một cuộc “tính sổ văn học”, cho ra đời *Ba mươi năm văn học*, vì nghĩ rằng “sẽ khó khăn biết bao nhiêu sau này cho nhà văn học sử, nếu ông ta muốn tìm mà không ra một bản thống kê văn học quốc ngữ trong vòng ba mươi năm nay” (dẫn theo Nguyễn Hữu Sơn - Phan Mạnh Hùng, 2009: 174). Kiều Thanh Quế cũng quan niệm cái tâm của người cầm bút là rất quan trọng. Không chỉ đối với nhà phê bình, mà cả ở người sáng tác. Theo ông, “không có văn tâm thời không thể nào làm được một bài đoạn thiên tiểu thuyết đúng điệu và hay được, dẫu cho chuyện có hay đi mấy cũng mặc” (dẫn

theo Nguyễn Hữu Sơn - Phan Mạnh Hùng, 2009: 216). Chính vì thế, ông dành cả một phần đầu của chuyên luận *Phê bình văn học* để bàn về “văn tâm”. Văn tâm mà Kiều Thanh Quế muốn nhấn mạnh ở đây, xét cho cùng, chính là trách nhiệm lớn lao của người cầm bút đối với công việc mình đang làm. Vì thế, người cầm bút cần có đủ “văn tâm, văn học và văn tài”.

Kiều Thanh Quế còn mong muốn những cống hiến của các nhà văn được đánh giá đúng mực, công bằng. Ông đặt kỳ vọng ở những nhà phê bình chân chính, mong mỗi họ sẽ là người có đủ tài, lực, tâm huyết để đưa các nhân tài bị lãng quên hay bị vùi lấp trong định kiến, thoát ra khỏi bóng tối, giúp họ khẳng định được đóng góp vốn có. Tấm lòng của ông luôn hướng về sự thịnh vượng của nền văn học Việt Nam. Vì thế, theo Kiều Thanh Quế, nhà phê bình phải giữ vai trò hướng đạo viên, là chất xúc tác mạnh mẽ, kích lệ người sáng tác. Cốt sao cho nền văn học nước nhà có nhiều viên ngọc lấp lánh.

Là người chân tâm với văn học, Kiều Thanh Quế rất lo lắng trước bao biểu hiện xấu, có thể làm cản trở sự phát triển chung của văn học Việt Nam. Ông ái ngại trước “cái lối văn chương rườm rà mà trống rỗng đang nhiều hại xứ này” (dẫn theo Nguyễn Hữu Sơn - Phan Mạnh Hùng, 2009: 213). Ông băn khoăn, trăn trở vì “cái thói nhân tuần nó nhiều hại dường kia” (dẫn theo Nguyễn Hữu Sơn - Phan Mạnh Hùng, 2009: 214).

Đối với những người nhạy cảm, biết yêu cái đẹp trong cuộc sống, có niềm đam mê cống hiến, chỉ cần một tiếng thở nhẹ của cuộc đời cũng đủ làm bật dậy nguồn cảm hứng trào dâng. Với Kiều Thanh Quế, một nhà nghiên cứu, phê bình văn học rất có tâm, thì chỉ một bước khế trong chuyển động của văn học cũng làm ông chú ý, quan tâm, trăn trở. Để rồi nhanh chóng trở thành bao đề tài thiết thực cho những công trình nghiên cứu đáng ghi nhận. Vì lẽ đó, chúng ta không khó lý giải tại sao trong một thời gian ngắn, sống với cảnh bị quản thúc, xa quê nhà, đối mặt với nhiều khó khăn, Kiều Thanh Quế vẫn có thể viết thật nhiều, khai thác thật nhiều vấn đề của văn học đương thời và trước đó.

Kiều Thanh Quế còn luôn ước ao sách bằng chữ quốc ngữ phổ biến, để tất cả người Việt đều có thể đọc được. Ông cũng mong muốn văn học dịch phát triển để tinh hoa văn học nước ngoài đến với người Việt sâu rộng hơn, văn học Việt Nam phát triển mạnh hơn. Ông tin tưởng: “Nước ta sau này hay dở thế nào đều nhờ ở sách dịch, và sự phiên dịch nó là nòng cốt khả dĩ đưa văn học quốc ngữ đến cõi hoàn mỹ” (dẫn theo Nguyễn Hữu Sơn - Phan Mạnh Hùng, 2009: 207).

Phê bình cũng là một hoạt động tiếp nhận. Kiều Thanh Quế là nhà phê bình có cách tiếp nhận vừa tinh tế, vừa khách quan. Ông luôn xem xét vấn đề của văn học trong hoàn cảnh nó ra đời và cũng biết đứng trên quan điểm thời đại với một thái độ trung

hòa, để đánh giá sao cho công bằng. Ông cho rằng: “quan niệm về đẹp, về nghệ thuật, tùy mỗi thời đại, mỗi xã hội, mỗi cái khác nhau” (dẫn theo Nguyễn Hữu Sơn - Phan Mạnh Hùng, 2009: 213). Có lẽ nhờ thế và cùng với cái tâm thiện, Kiều Thanh Quế thường có cách phê bình rất ôn hòa, khách quan. Bao giờ ông cũng có khen chê rạch ròi, đúng mực. Hiếm thấy hiện tượng hạ bệ, chỉ trích nặng nề hay đả phá cay nghiệt như một số nhà phê bình khác từng làm. Bởi thâm tâm ông luôn hướng vào mục đích cuối cùng là nghiên cứu, phê bình để đưa nền văn học Việt Nam đến sự phát triển một cách hoàn mỹ. Đôi khi, ông cũng buông lời trách móc: “Tự lực văn đoàn mỗi năm có phát giải thưởng văn chương khuyến khích nhân tài. Nhưng rất tiếc giải thưởng Tự lực văn đoàn chỉ là một giải tặng rỗng cho các loại tiểu thuyết, phóng sự, thơ ca, kịch bản, chớ chẳng hề có tặng cho một tập văn nghị luận, khảo cứu phê bình nào! Phạm vi một giải thưởng văn chương mà chật hẹp như thế, thật đáng phiến hà lắm” (dẫn theo Nguyễn Hữu Sơn - Phan Mạnh Hùng, 2009: 178). Cũng có lần, xuất phát từ sự lo lắng cho cái chung, Kiều Thanh Quế không kiềm nén được cảm xúc, trở nên cay cú, bực dọc: “trình độ thấp kém của độc giả nước ta đã giết chết bao nhiêu tạp chí, tuần báo giá trị rồi?” (dẫn theo Nguyễn Hữu Sơn - Phan Mạnh Hùng, 2009: 179). Con người nặng tình với văn chương và trách nhiệm lớn với văn hóa dân tộc ấy, lắm lúc phải xót xa trước thất bại của báo

chí Trung Kỳ: “Thật là buồn!” (dẫn theo Nguyễn Hữu Sơn - Phan Mạnh Hùng, 2009: 179). Không riêng gì thời gian ở Cần Thơ, mà cả cuộc đời gắn ngủi gắn bó với sự nghiệp nghiên cứu, phê bình văn học, Kiều Thanh Quế đã vui, buồn, sướng, khổ cùng với những thăng trầm của văn học nước nhà. Tâm hồn ông như hòa nhập vào số phận chung của văn học nước nhà.

Nguyễn Du từng cho rằng “chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài”, nhưng phải có *tài*, *tâm* mới thỏa. Kiều Thanh Quế vừa có tâm lại có tài. Cái tài của nhà phê bình không từng “học nghề” nhưng lại rất chuyên nghiệp. Ở vào cái thời mà hoạt động phê bình còn hết sức non trẻ, Nam Bộ lại là nơi hiếm hoi người đặt chân vào địa hạt vừa mới mẻ, vừa phức tạp này, Kiều Thanh Quế đã rất vững bước trên hành trình gian nan, nhiều thách thức, chính là nhờ vào tài năng như là thiên bẩm. Ông như một tay lái tài hoa, nắm vững quy luật sông nước, biết rõ cách chèo chống. Cho nên dù có phong ba, vẫn đưa thuyền băng băng lướt sóng, chẳng hề biết sợ gì cả. Các công trình nghiên cứu của Kiều Thanh Quế đã chứng minh ông là một nhà phê bình có kiến thức uyên bác. Ông nắm rõ văn học trong và ngoài nước. Để nghiên cứu thành công văn học, Kiều Thanh Quế còn ý thức trau dồi kiến thức của nhiều lĩnh vực khác. Nhờ thế, ông rất am hiểu lịch sử, địa lý, văn hóa. Đặc biệt, Kiều Thanh Quế có trình độ ngoại ngữ đáng ngưỡng mộ. Ông đã vận dụng tài tình vốn ngoại ngữ vào việc nghiên cứu, phê bình.

Nhất là với công trình *Thi hào Tagore*. Ông có kỹ năng đọc sách rất tốt. Sự thông minh, nhạy bén giúp ông đọc nhanh nên tiếp cận rất nhiều sách Đông Tây, thấu tóm đúng những gì cần thiết để đem ra bàn.

Dù chưa qua trường lớp đào tạo, chưa được trang bị một cách bài bản về phương pháp nghiên cứu khoa học nhưng các công trình nghiên cứu của Kiều Thanh Quế đã thể hiện tính khoa học khá cao. Các bài báo của Kiều Thanh Quế thường ngắn gọn, đi thẳng vào vấn đề muốn nói, không biện giải dài dòng nhưng vẫn cung cấp đủ lượng thông tin cho người đọc tiếp nhận đúng vấn đề. Công trình *Ba mươi năm văn học* dù được hoàn thành vào buổi bình minh của văn học quốc ngữ, công việc biên soạn văn học sử chưa có nhiều thành tựu, Kiều Thanh Quế vẫn có được cách trình bày khoa học, rõ ràng, theo một quan điểm riêng, phác họa gương mặt mới của văn học Việt Nam qua từng thể loại. Cách làm này, giúp người đời sau có thể nhận diện sự thịnh vượng hoặc chậm tiến của từng thể loại. Đồng thời, hình dung được tính đa dạng, phong phú của văn học quốc ngữ trong buổi đầu mới hình thành.

Lập luận của Kiều Thanh Quế trong phê bình rất súc tích và chắc, mà cũng rất sinh động, dẫn dắt người đọc đi vào sự chú ý, cuốn hút theo dõi đến cùng. Văn phê bình của Kiều Thanh Quế gãy gọn, mộc mạc, chân tình. Một nét đặc biệt là đoạn văn trong bài báo hay chuyên khảo của Kiều Thanh

Quế thường rất ngắn nhưng không vì thế mà thiếu ý. Giọng văn đặc sệt Nam Bộ nhưng không có vẻ quê mùa, lợm thợm như một số tác giả cùng thời. Kiều Thanh Quế thích dùng từ Hán Việt vì thế câu văn tự nhiên mà vẫn trang trọng, mực thước. Trong diễn đạt, ông có những liên tưởng sinh động. Bàn về cách kết cấu trong đoạn thiên tiểu thuyết, để nhấn mạnh tính chặt chẽ của nó, ông đã có một liên tưởng khá thú vị: “Đoạn thiên tiểu thuyết trọng nhất ở chỗ kết cấu. Nếu kết cấu làm sao khi đọc dứt bài rồi người ta mới thấy manh mối đầu đuôi và chừng ấy manh mối đầu đuôi mới càng ngày càng tỏ rõ thêm mãi, thời là một bài đoạn thiên tiểu thuyết hay. Làm sao cho người đọc càng nhớ trở lại câu chuyện, càng thấy mỗi câu mỗi lời, có ý nghĩa thâm trầm thía hơn hồi đương đọc; càng thấy mỗi câu mỗi lời ở đúng vào chỗ của nó, càng thấy rút ra câu nào, lời nào, thời bài không còn vửng nữa, cũng như trong một cái khung cửa vòng nguyệt xây bằng gạch không rút được viên nào ra mà không làm sập khung cửa vậy” (dẫn theo Nguyễn Hữu Sơn - Phan Mạnh Hùng, 2009: 216). Người đọc thời nay, tiếp nhận trang văn của Kiều Thanh Quế không cảm thấy quá xa cách, chuyện nói ở thế kỷ trước mà cứ ngỡ như mới đây.

Người Việt có câu tục ngữ rất hay: “Ngọc lạnh hay có tỳ vết”, ở đời không có gì là toàn vẹn cả! Thậm chí người tài còn dễ lắm tật. Kiều Thanh Quế không lắm tật như thói thường của người đời. Và các công trình nghiên

cứu, phê bình của ông không sao tránh khỏi những hạn chế. Đọc tác phẩm của Kiều Thanh Quế, ta như đang ăn một bát cơm gạo mới thơm lừng, bắt chọt chạm phải vài hạt sạn li ti, khiến ta ngậm ngùi tiếc nuối. Ngoài cái văn phong “còn khá luộm thuộm, cũ kỹ” (Nguyễn Thị Thanh Xuân 2004: 358), ông còn có những quan niệm, kiến giải chưa chuẩn xác, thể hiện sự chủ quan nhất định. Trong *Ba mươi năm văn học*, Kiều Thanh Quế chọn mốc thời gian năm 1914 - 1941 để tính số ba mươi năm của văn học quốc ngữ trong buổi đầu là thiếu hợp lý, không dựa trên một cơ sở nào mang tính thuyết phục. Do vậy, công trình nghiên cứu, giới thiệu của ông chưa thể khái quát được đặc trưng của văn học quốc ngữ trong chặng đường đầu.

Là một cây bút tiêu biểu nhất của Nam Bộ thời bấy giờ, sinh ra, lớn lên và viết văn trên vùng đất này nhưng Kiều Thanh Quế tỏ ra chưa tin tưởng nhiều vào văn học và các sinh hoạt văn hóa của Nam Bộ. Ông cộng tác đặc lược cho báo *Tri Tân* ở Hà Nội. Trong khi, báo chí Nam Bộ thời đó phát triển rất mạnh. Ở bài phụ lục “*Chuyện buồn cười ở làng báo Nam Kỳ ngày xưa*”, Kiều Thanh Quế tích cực khai thác mặt trái của giới báo chí Nam Bộ. Trong cái nhìn của ông, họ rất thực dụng, thiếu tư cách của người làm văn hóa: “hết công kích vị chủ bút này, lại chỉ trích ông đầu bút kia”, đến mức “phong trào cãi lộn ở làng báo Nam Kỳ bấy giờ ngày một thêm kịch liệt” (dẫn theo Nguyễn Hữu Sơn - Phan

Mạnh Hùng, 2009: 209). Một điều thật đáng tiếc, Kiều Thanh Quế còn giữ khoảng cách khá xa với công chúng. Ông xem họ là những người ít học, kém hiểu biết, trình độ thấp. Không ít lần, trong các bài viết của mình, Kiều Thanh Quế cho rằng: “trình độ độc giả lúc bấy giờ thấp kém lắm” (dẫn theo Nguyễn Hữu Sơn - Phan Mạnh Hùng, 2009: 208). Và chính “trình độ thấp kém của độc giả nước ta đã giết chết bao nhiêu tạp chí, tuần báo giá trị” (dẫn theo Nguyễn Hữu Sơn - Phan Mạnh Hùng, 2009: 179).

Văn xuôi quốc ngữ Nam Bộ là bộ phận đi tiên phong trong quá trình hiện đại hóa văn học Việt Nam. Nhiều cây bút tiểu thuyết, truyện ngắn ở Nam Bộ đã làm nên thành tựu xuất sắc trong giai đoạn mở đường của văn học quốc ngữ. Thế mà, dường như chưa được Kiều Thanh Quế đánh giá cao và ghi nhận đúng mực. Nhất là vai trò đi tiên phong của văn xuôi quốc ngữ Nam Bộ. Khi đề cập đến những tác phẩm tiểu thuyết quốc ngữ trong thời kỳ đầu, ông chỉ bàn đến *Tổ Tâm* của Hoàng Ngọc Phách. Kiều Thanh Quế nhấn mạnh: “Tiểu thuyết quốc ngữ bắt đầu thành hành từ năm 1924, phát đạt vào năm 1932” và “1924: *Tổ Tâm* ra đời” (Dẫn theo Nguyễn Hữu Sơn - Phan Mạnh Hùng, 2009: 186). Thực tế, trước đó, từ năm 1910, Nam Bộ đã xuất hiện hàng loạt tiểu thuyết, đánh dấu giai đoạn thịnh hành của tiểu thuyết quốc ngữ, như: *Hoàng Tố Anh hàm oan* (1910) của Trần Thiên Trung, *Ai làm được* (1912) của Hồ Biểu Chánh, *Hà Hương phong*

nguyệt (1912) của Lê Hoàng Mưu, *Kim thời dị sử - Ba Lâu ròng nghề đạo tặc* (1917) của Biền Ngũ Nhy, *Nghĩa hiệp kỳ duyên* (1920) của Nguyễn Chánh Sắt...

Ông chủ trương phát triển văn học dịch, đề cao các thành tựu văn học nước ngoài, nhằm hướng đến kích thích sự phát triển văn học nước nhà. Đó là tấm lòng đáng ghi nhận ở Kiều Thanh Quế. Tuy nhiên, đôi khi ông quá đề cao nước người, lại có phần tự ti về nước mình: “tủ sách dịch của văn học quốc ngữ hãy còn kém tủ sách dịch ở các nước lân bang nhiều lắm – như ở Tàu và Nhật chẳng hạn” (dẫn theo Nguyễn Hữu Sơn - Phan Mạnh Hùng, 2009: 204).

Tuy nhiên, những hạn chế nói trên không hề làm lu mờ đóng góp đáng trân trọng của Kiều Thanh Quế đối với sự nghiệp nghiên cứu, phê bình và khảo cứu văn học. Chỉ là một chút tiếc nuối! Cái tâm, cái tài của Kiều Thanh Quế vẫn luôn ngời sáng trong lịch sử văn học nước nhà.

3. KẾT LUẬN

Kiều Thanh Quế đã sớm về với đất mẹ. Sự ra đi của ông là niềm tiếc nuối lớn lao. Với tài năng ấy, tâm chí ấy lẽ ra nền phê bình, nghiên cứu văn học Việt Nam còn được đón nhận nhiều công trình xuất sắc hơn nữa. Mặc dù thời gian cống hiến quá ngắn ngủi nhưng Kiều Thanh Quế đã cung cấp cho những người nghiên cứu về sau một nguồn tư liệu văn học sử vô cùng quý giá. Giới nghiên cứu học được ở ông rất nhiều, về phương pháp, cách lập luận, cũng như cách cấu trúc cho một bài phê bình. Đặc biệt, phong cách phê bình mạnh dạn, dứt khoát, thẳng thắn mà ân cần, thành thật và chân tình của ông luôn tạo được ấn tượng đẹp trong lòng người đọc. Những gì Kiều Thanh Quế đã làm được hôm qua, ngày nay các thế hệ tiếp nối đang ghi nhận. Đặt trong bối cảnh nửa đầu thế kỷ XX, những công trình của Kiều Thanh Quế rất đáng ngưỡng mộ, tôn vinh. Ông xứng đáng là niềm tự hào của văn học Nam Bộ. Trong đó, đất và người Cần Thơ đã đóng góp ít nhiều cho sự phát triển văn tài Kiều Thanh Quế. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Hoài Anh. 2001. *Kiều Thanh Quế - nhà phê bình văn học hiếm có của Nam Bộ*, in trong *Chân dung văn học*. Hà Nội: Nxb. Hội Nhà văn.
2. Bằng Giang. 1974. *Mảnh vụn văn học sử*. Sài Gòn: Nxb. Chân Lưu.
2. Phạm Thế Ngũ. 1965. *Việt Nam văn học sử giản ước tân biên*. Sài Gòn: Nxb. Quốc học Tùng thư.
3. Nguyễn Hữu Sơn - Phan Mạnh Hùng. 2009. *Cuộc tiến hóa văn học Việt Nam - Tuyển tập khảo cứu phê bình*. Hà Nội: Nxb. Thanh niên.
4. Nguyễn Thị Thanh Xuân. 2004. *Phê bình văn học Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX*. TPHCM. Nxb. Đại học Quốc gia TPHCM.